

THỰC PHẨM

Bình Dương, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 82/2020/ĐKSP**

**Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương** xác nhận đã nhận  
Bản công bố sản phẩm của

Đơn vị: **Công ty TNHH Đất Mới**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3737973

Cho sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG APTAMIL 1 INFANT FORMULA -  
- DÀNH CHO TRẺ TỪ 0-12 THÁNG TUỔI**

Cơ sở sản xuất: **Danone Nutricia NZ Ltd**

Địa chỉ: 56 - 58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand

**Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:**

- QCVN 11-1: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi
- QCVN 8 - 1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 - 2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8 - 3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

CHI CỤC TRƯỞNG 



**Nguyễn Văn Đạt**

## BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 038/NL- CBSP/2020

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.373.7973 Fax:

E-mail: hoangthichaulam@newlandvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 3700606200

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 19/2018/NNPTNT-BDG có hiệu lực đến ngày 13 tháng 3 năm 2021

### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG APTAMIL 1 INFANT FORMULA** (Dành cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi)

2. Thành phần: Bột đạm whey (**sữa bò**) 33,5%, hỗn hợp dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, dầu dừa và dầu hướng dương) 20,8%, đường lactose (**sữa bò**) 17%, sữa nguyên chất (**sữa bò**) 15,7%, galacto-oligosaccharides (GOS) (**sữa bò**) 6%, các khoáng chất [Dipotassium hydrogen phosphate (Potassium phosphate, dibasic), calci carbonat (calcium carbonate), natri citrat (sodium citrate), calci phosphate (tricalcium diphosphate), kali clorid (potassium chloride), magnesi chlorid (magnesium chloride), kali citrate (Potassium citrate), sắt (II) sulfat (ferrous sulphate), kẽm sulfat (zinc sulphate), đồng sulfat (copper sulphate), kali iodid (potassium iodide), mangan sulfat (manganese (II) sulphate), natri selenat (sodium selenite)], sữa tách béo (**sữa bò**) 2,5%, fructo-oligosaccharides chuỗi dài (lcFOS) (**rễ rau diếp xoăn**), DHA (**dầu cá**), acid arachidonic (ARA) (**dầu Mortierella alpina**), các vitamin [Vitamin C (L-Ascorbic acid + Sodium L-ascorbate), Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetate), Nicotinamide, acid pantothenic (calcium d-pantothenate), vitamin B1 (thiamin hydrochloride), riboflavin, vitamin A (retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochloride), Vitamin D3 (Cholecalciferol), acid folic (N-Pteroyl-L-glutamic acid), Vitamin K1 (phytomenadion), d-biotin, vitamin B12 (Cyanocobalamin)], taurin, nucleotides [Cytidine 5'-monophosphate (CMP), Uridine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Uridine 5-monophosphate salt), Adenosine 5' - monophosphate (AMP), Inosine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Inosine 5-monophosphate salt), Guanosine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Guanosine 5- monophosphate salt)], Choline chloride, inositol, *B. breve* M-16V, L-carnitin.



Chứa chất nhũ hóa [lecithin (đậu nành) (INS 322 (i)), chất chống oxy hóa [Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) (INS 307b), ascorbyl palmitat (INS 304), dl-alpha tocopherol (INS 307c)] và chất điều chỉnh độ acid (calci hydroxyd (INS 526), kali hydroxyd (INS 525), acid citric (INS 330)) là chất điều chỉnh độ acid được phép sử dụng. Tất cả các chất phụ gia có nguồn gốc thực vật hoặc tổng hợp.

Các chất có thể gây dị ứng được in đậm trong thành phần.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem MFD và USE BY dưới đáy bao bì

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 900 g/hộp

Chất liệu bao bì: Đóng hộp thiếc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Danone Nutricia NZ Ltd

Địa chỉ: 56-58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

#### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi;

##### **1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Salmonella	Cfu/g	0
2	Enterobacter sakazakii	Cfu/g	0
3	Enterobacteriaceae	Cfu/g	0
4	Bacillus cereus giả định	Cfu/g	500

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

##### **2. Hàm lượng kim loại nặng:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,02
2	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/kg	250
4	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	0,5
5	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.

**3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	ppb	0,025
2	Melamine	ppb	1,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

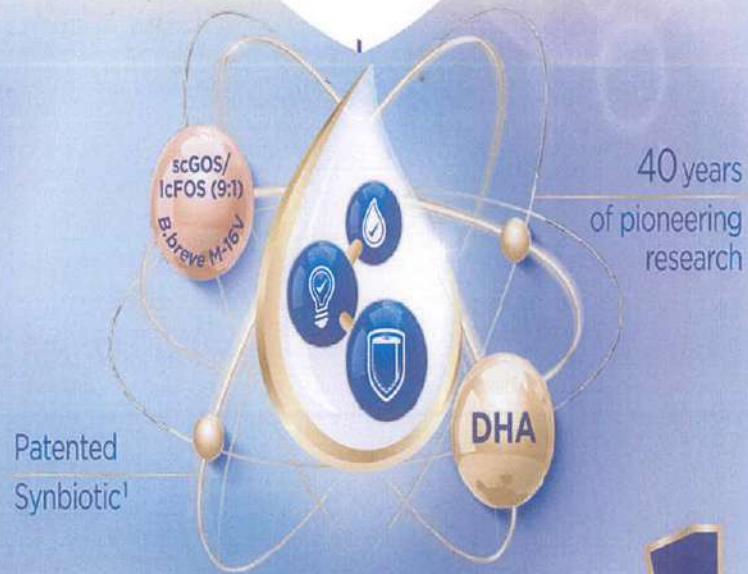


**Đào Lý**





# Aptamil®



INFANT FORMULA

Net Weight 900g<sup>e</sup>



INFANT 0-12 MONTHS



NOTE: Exclusive breast feeding for the first six months and sustained breast feeding until the child reaches two years or above.  
If your child consumes formula milk, you will spend about 2.729,000 R for the first 6 months period.

Age of Infant	Per Feed			No. of Feeds Per Day
	Aptamil® Level Scoops	Boiled Water		
		ml	fl oz	
0-1 month	1	50	1.7	10
1-2 months	2	100	3.4	7
2-4 months	3	150	5.0	5
4-6 months	4	200	6.8	4
6-9 months	4	200	6.8	3
9-12 months	4	200	6.8	3

For infants 6 months and above, Aptamil® Step 1 Infant Formula should be complemented with nutritious complementary food such as infant cereal, porridge and fruits. Minced meat and fish may be gradually introduced. Seek advice from health professional about feeding complementary food at appropriate infant age.

**IMPORTANT NOTICE:**  
1) If not prepared and used appropriately, health hazards may occur  
2) Only use on the advice of a health professional  
3) Feeding from a cup is more hygienic than a bottle

**STANDARD DILUTION:** Add 1 scoop (7.3g) of Aptamil® Step 1 Infant Formula to 50ml water. Proportions to be changed only with medical advice. Inappropriate preparation may affect your infant's well-being. Prepare only one feed at a time. Use the scoop that is provided.

**STORAGE INSTRUCTIONS:** Use before expiry date on the bottom of tin. Store in a cool dry place before and after opening to ensure freshness. After opening, keep container air tight & use contents within 3 weeks.

**PREPARATION INSTRUCTION**

- Place the cleaned feeding and preparation equipment into the water. Make sure that the equipment is completely covered with water and that no air bubbles are trapped.
- Cover the pan with a lid and bring to a rolling boil, making sure the pan does not boil dry.
- Wash your hands with soap and water, and dry with a clean or disposable cloth.
- Read the instructions on packaging for the correct mixture of water and powder. Adding more or less formula than instructed may affect your infant's well-being.
- Taking care to avoid scalds, pour the correct amount of boiled water into a cleaned and sterilized bottle. The water should be no cooler than 70°C, so do not leave it more than 30 minutes after boiling.
- Mix thoroughly by gentle shaking or swirling the bottle.
- Immediately cool to feeding temperature by holding the bottle under cold running tap water, or by placing in a container of cold or iced water. So that you do not contaminate the feed, make sure that the level of the cooling water is below the lid of the bottle.
- Check the temperature of the feed by dripping a little onto the inside of your wrist. It should feel lukewarm, not hot. If it still feels hot, cool some more before feeding.
- Throw away any feed that has not been consumed within two hours.

<sup>e</sup>Preparation with water temperature higher than 40°C can lose the effect of probiotics.  
To maintain the number of live cultures, let the boiled water cool to about body temperature before adding the milk powder.

Manufactured by: DANONE NUTRICIA NZ LTD (REG8883)  
56-58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand  
Imported by: DANONE SPECIALIZED NUTRITION (CAMBODIA) CO., LTD  
The Third Floor of Regency Complex C3/1-2, Samdach Monireth Blvd (217), Sangkat Tormocub Teouk, Khan Chreamkarm, Phnom Penh

Patented Synbiotic registered in EU 4194181022-3 ddf

AVERAGE ANALYSIS		Per 100g	Per 100ml
		Powder	
Energy	kcal	496	66
	kJ	2073	276
Fat	g	26.0	3.5
DHA (Docosahexaenoic Acid)	mg	105	14.0
AA (Arachidonic Acid)	mg	134	17.8
Protein	g	10.5	1.4
60% Whey Protein	g	6.3	0.8
40% Casein	g	4.2	0.6
Carbohydrates	g	52	6.9
Oligosaccharides mixture (90% scGOS*, 10% lcFOS**)	g	6.0	0.8
Vitamin A (incl. b-carotene)	µg RE	452	60
Vitamin D3	µg	7.5	10
Vitamin E	mg α-TE	13.6	1.8
Vitamin K1	µg	38	5.0
Vitamin B1	µg	746	99
Vitamin B2	µg	1349	179
Niacin	µg	4500	600
Vitamin B6	µg	377	50
Folic Acid	µg	90	11.9
Pantothenic Acid	µg	4300	570
Biotin	µg	23	3.0
Vitamin B12	µg	2.0	0.26
Vitamin C	mg	93	12.4
Calcium	mg	558	74
Phosphorus	mg	377	50
Magnesium	mg	56	7.4
Sodium	mg	203	27
Potassium	mg	746	99
Chloride	mg	399	53
Iron	mg	61	8.0
Zinc	mg	3.8	0.5
Copper	µg	399	53
Iodine	µg	137	18.2
Manganese	µg	47	6.2
Selenium	µg	15.1	2
Choline	mg	93	12.4
Taurine	mg	38	5
Myo-Inositol	mg	66	8.7
L-Carnitine	mg	10.5	1.4
Nucleotides	mg	25.8	3.4
B. breve M-16V***	CFU	5.70x10 <sup>9</sup>	750x10 <sup>6</sup>

\*short chain galacto-oligosaccharides (scGOS)  
\*\*long chain fructo-oligosaccharides (lcFOS)  
\*\*\*Bifidobacterium breve M-16V  
Per serving (100ml) = 100 ml water + 2 scoops (14.6g) powder

**INGREDIENTS:** Whey powder (cow's milk), vegetable oils blend (palm oil, canola oil, coconut oil and sunflower oil), lactose (cow's milk), whole milk (cow's milk), galacto-oligosaccharides (GOS) (cow's milk), minerals (potassium phosphate, calcium carbonate, sodium citrate, calcium phosphate, potassium chloride, magnesium chloride, potassium citrate, ferrous sulphate, zinc sulphate, copper sulphate, potassium iodide, manganese sulphate, sodium selenite), skimmed milk (cow's milk), long chain fructo-oligosaccharides (lcFOS) (chicory root), docosahexaenoic acid (DHA) (fish oil), arachidonic acid (ARA) oil (Morrisella alga oil), vitamins (vitamin C, di-alpha tocopheryl acetate, nicotinamide, calcium d-pantothenate, thiamine hydrochloride, riboflavin, vitamin A acetate, pyridoxine hydrochloride, vitamin D3, folic acid, phytomenadione, d-biotin, vitamin B12), taurine, nucleotides, choline chloride, inositol, B. breve M-16V, L-carnitine.  
Contains emulsifier (soya lecithin), antioxidant (natural tocopherol, ascorbyl palmitate, di-alpha tocopherol) and acidity regulator (calcium hydroxide, potassium hydroxide, citric acid) as permitted food conditions. All additives are of plant or synthetic origin.  
INFANT FORMULA based on cow's milk



OUR UNIQUE EXPERTISE



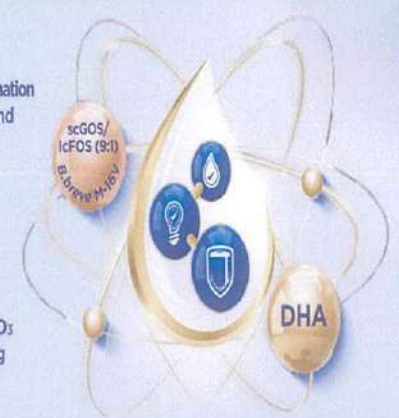
NUTRICIA has over 120 years of expertise in early life nutrition and has been pioneering research for 40 years with our passionate team of more than 500 scientists and experts to understand how it supports your infant's development and nutritional needs.  
Our research has enabled us to develop our next generation INFANT FORMULA, new Aptamil® with our Patented Synbiotic<sup>1</sup> and important nutrients which are specifically tailored to help meet the increasing nutritional needs of your child's growth & development at an early age.



NUTRITION COMPANY IN EUROPE<sup>2</sup>

Based on 40 years of research on early life nutrition, Aptamil® step 1 with Patented Synbiotic<sup>1</sup> contains:

Patented Synbiotic<sup>1</sup> is a unique combination of Prebiotics (scGOS/lcFOS 9:1)<sup>1</sup> and Probiotic B. breve M-16V<sup>1</sup> help to support immune function.



DHA<sup>2</sup> for brain development and key important nutrients<sup>2</sup> to support normal neuro function.

<sup>1</sup>Important building block for brain and eyes development.  
<sup>2</sup>Brain: Vitamin B1, B2, B1, B12, C, Potassium, Copper and Iodine.

Calcium, Vitamin K1 and Vitamin D3 to support development of strong bones and teeth.

22 Vitamins and Minerals contribute to normal growth and development in children.

<sup>1</sup> Danone calculation based in part on data reported by Nielsen through its Retail Index Service for the Infant Milk Formula (Client-defined) for the 52-weeks period ending June 2019, for consolidation of 18 countries. Nielsen has no responsibility for the third party data relating to Germany (Copyright © 2019, The Nielsen Company).

1 INFANT 0-12 MONTHS  
2 TODDLER 12-24 MONTHS  
3 CHILD 2 YEARS ONWARD



CALL ON OUR EXPERTISE 1800-212-160

If you would like to learn more about our formulation, please visit:

www.aptaclub.com.kh Aptclub Cambodia Aptclub.KH@Danone.com



Nhân sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG APTAMIL 1 INFANT FORMULA (Dành cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi)



**BẢNG CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU LÝ HÓA**

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng trên 100 g	Mức chất lượng trên 100 ml	Mức chất lượng trên 100 kcal	Mức RNI đáp ứng cho trẻ từ 0-6 tháng	Mức RNI đáp ứng cho trẻ từ 6-12 tháng
1 Năng lượng	Kcal	347,2 – 644,8	60 - 70	70 – 130		
2 Chất béo	g	18,2 – 33,8	2,45 – 4,55	4,4 – 6,0		
3 Acid Docosahexaenoic	mg	73,5 – 136,5	9,8 – 18,2	14,7 – 27,3		
4 Acid Arachidonic	mg	93,8 – 174,2	12,46 – 23,14	18,9 – 35,1		
5 Acid linoleic	mg			300 – 1400		
6 Acid α-linolenic	mg			≥ 50		
7 Carbohydrate	g	36,4 – 67,6	4,83 – 8,97	9,0 – 13,65		
8 Chất đạm	g	7,35 – 13,65	0,98 – 1,82	1,8 – 2,73		
9 Vitamin A	µg-RE	316,4 – 587,6	42 – 78	63,7 – 118,3	16%	15%
10 Vitamin D3	µg	5,25 – 9,75	0,7 – 1,3	1,05 – 1,95	20%	20%
11 Vitamin E	mg αTE	9,52 – 17,68	1,26 – 2,34	1,89 – 3,51	60%	45%
12 Vitamin K1	µg	26,6 – 49,4	3,5 – 6,5	5,39 – 10,01	83,33%	55,56%
13 Vitamin C	mg	65,1 – 120,9	8,68 – 16,12	13,3 – 24,7	49,6%	41,3%
14 Vitamin B1	µg	522,2 – 969,8	69,3 – 128,7	105 – 195	49,5%	33%
15 Vitamin B2	µg	944,3 – 1753,7	125,3 – 232,7	190,4 – 353,6	59,67%	44,75%
16 Niacin (B3)	µg	3150 – 5850	420 – 780	634,9 – 1179,1	30%	15%
17 Acid Pantothenic	µg	3010 – 5590	399 – 741	606,9 – 1127,1		
18 Vitamin B6	µg	263,9 – 490,1	35 – 65	53,2 – 98,8	50%	16,67%
19 Acid Folic	µg	63 – 117	8,33 – 14,47	12,6 – 23,4		
20 Vitamin B12	µg	1,4 – 2,6	0,18 – 0,34	0,28 – 0,52	86,67%	65%
21 Biotin	µg	16,1 – 29,9	2,1 – 3,9	3,22 – 6,0		
22 Calci	mg	390,6 – 725,4	51,8 – 96,2	79,1 – 140	24,67%	18,5%
23 Photpho	mg	263,9 – 490,1	35 – 65	53,2 – 98,8	55,56%	18,18%
24 Magnesi	mg	39,2 – 72,8	5,18 – 9,62	7,7 – 14,3	20,56%	13,7%
25 Natri	mg	142,1 – 263,9	18,9 – 35,1	28,7 – 53,3		
26 Kali	mg	522,2 – 969,8	69,3 – 128,7	105 – 180		
27 Clorid	mg	279,3 – 518,7	37,1 – 68,9	56 – 104		
28 Sắt	mg	4,27 – 7,93	0,56 – 1,04	0,84 – 1,56		
29 Kẽm	mg	2,66 – 4,94	0,35 – 0,65	0,56 – 1,04		
30 Đồng	µg	279,3 – 518,7	37,1 – 68,9	56 – 104		
31 Iod	mg	95,9 – 178,1	12,74 – 23,66	19,6 – 36,4	20,22%	20,22%
32 Mangan	µg	32,9 – 61,1	4,34 – 8,06	6,65 – 12,35		
33 Selen	µg	10,57 – 19,63	1,4 – 2,6	2,1 – 3,9	33,33%	20%
34 L-carnitin	mg	7,35 – 13,65	0,98 – 1,82	1,47 – 2,73		
35 Choline	mg	65,1 – 120,9	8,68 – 16,12	13,3 – 24,7		
36 Myo Inositol	mg	46,2 – 85,8	6,09 – 11,3	9,1 – 16,9		
37 Taurin	mg	26,6 – 49,4	3,5 – 6,5	5,39 – 10,01		
38 Flourid	µg			≤ 100		

## NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

### SẢN PHẨM DINH DƯỠNG APTAMIL 1 INFANT FORMULA (Dành cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi)

Để được tư vấn thêm thông tin về Dinh Dưỡng và Sản phẩm, vui lòng liên hệ Bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của Aptamil:

Hotline: 1800 5858 06 (8:30 – 17:30, Thứ 2 – Thứ 6)

Website: [www.aptaclub.com.vn](http://www.aptaclub.com.vn) Facebook: Aptaclub Vietnam.

#### Hướng dẫn pha loãng chuẩn:

Pha 1 muỗng (7,3g) Aptamil 1 Infant Formula với 50ml nước. Tỷ lệ này có thể thay đổi theo chỉ định của nhân viên y tế. Pha sữa không đúng cách có thể ảnh hưởng sức khỏe của bé. Chỉ pha sẵn 1 bình cho một lần dùng. Sử dụng muỗng đo lường được cung cấp.

Độ tuổi	LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ			Số lần uống/ngày
	Lượng bột (muỗng)	Lượng dùng một lần		
		Lượng nước		
ml	fl oz			
0-1 tháng	1	50	1,7	10
1-2 tháng	2	100	3,4	7
2-4 tháng	3	150	5,0	5
4-6 tháng	4	200	6,8	4
6-9 tháng	4	200	6,8	3
9-12 tháng	4	200	6,8	3

Đối với trẻ sơ sinh từ 6 tháng tuổi trở lên, Aptamil 1 Infant Formula nên được bổ sung cho bé cũng các các thực phẩm khác như bột ăn dặm, cháo và trái cây. Nên cho bé ăn dặm từ từ thịt bằm và cá. Hãy tham khảo lời khuyên từ chuyên gia dinh dưỡng về các thực phẩm bổ sung phù hợp với nhu cầu của trẻ sơ sinh ở từng tháng tuổi.

#### Hướng dẫn vệ sinh:



1. Rửa tay trước khi pha sữa cho bé



2. Tiệt trùng tất cả các dụng cụ như cốc/ bình hoặc muỗng bằng cách đun sôi trong nước khoảng 10 phút



3. Đổ đúng lượng nước đun sôi (như trên bảng hướng dẫn) vào cốc/ bình đã được làm sạch và tiệt trùng. Cần thận để tránh bỏng nước sôi.



4. Làm mát nước này đến nhiệt độ pha phù hợp (khoảng 40°C) bằng cách giữ bình dưới vòi nước lạnh, hoặc đặt trong một tô chứa nước đá. Để tránh làm bắn nước bên trong cốc/ bình, hãy đảm bảo rằng mức nước làm mát nằm dưới nắp chai.



5. Thêm bột vào bình với lượng tương ứng theo khuyến nghị tại bảng hướng dẫn

**Hướng dẫn bảo quản:** Sử dụng trước thời hạn in trên đáy bao bì. Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo thoáng mát trước và sau khi mở hộp. Sau khi mở hộp, hạn chế để sản phẩm tiếp xúc không khí và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**Thành phần:** Bột đạm whey (sữa bò) 33,5%, hỗn hợp dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, dầu dừa và dầu hướng dương) 20,8%, đường lactose (sữa bò) 17%, sữa nguyên chất (sữa bò) 15,7%, galacto-oligosaccharides (GOS) (sữa bò) 6%, các khoáng chất [Dipotassium



hydrogen phosphate (Potassium phosphate, dibasic), calci carbonat (calcium carbonate), natri citrat (sodium citrate), calci phosphate (tricalcium diphosphate), kali clorid (potassium chloride), magnesi chlorid (magnesium chloride), kali citrate (Potassium citrate), sắt (II) sulfat (ferrous sulphate), kẽm sulfat (zinc sulphate), đồng sulfat (copper sulphate), kali iodid (potassium iodide), mangan sulfat (manganese (II) sulphate), natri selenat (sodium selenite)], sữa tách béo (sữa bò) 2,5%, fructo-oligosaccharides chuỗi dài (lcFOS) (rễ rau diếp xoăn), DHA (dầu cá), acid arachidonic (ARA) (dầu Mortierella alpina), các vitamin [Vitamin C (L-Ascorbic acid + Sodium L-ascorbate), Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetate), Nicotinamide, acid pantothenic (calcium d-pantothenate), vitamin B1 (thiamin hydrochloride), riboflavin, vitamin A (retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochloride), Vitamin D3 (Cholecalciferol), acid folic (N-Pteroyl-L-glutamic acid), Vitamin K1 (phytomenadion), d-biotin, vitamin B12 (Cyanocobalamin)], taurin, nucleotides [Cytidine 5'-monophosphate (CMP), Uridine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Uridine 5-monophosphate salt), Adenosine 5' - monophosphate (AMP), Inosine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Inosine 5-monophosphate salt), Guanosine 5'-monophosphate sodium salt (Disodium Guanosine 5- monophosphate salt), Choline chloride, inositol, B. breve M-16V, L-carnitin.

Chứa chất nhũ hóa [lecithin (đậu nành) (INS 322 (i)), chất chống oxy hóa [Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) (INS 307b), ascorbyl palmitat (INS 304), dl-alpha tocopherol (INS 307c)] và chất điều chỉnh độ acid (calci hydroxyd (INS 526), kali hydroxyd (INS 525), acid citric (INS 330)) là chất điều chỉnh độ acid được phép sử dụng. Tất cả các chất phụ gia có nguồn gốc thực vật hoặc tổng hợp.

Các chất có thể gây dị ứng được in đậm trong thành phần.

**Lưu ý:** Aptamil 1 Infant Formula là sản phẩm công thức cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

**CHÚ Ý:** Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác

**Xuất xứ:** New Zealand

**Sản xuất bởi:** Danone Nutricia NZ Ltd

**Địa chỉ:** 56-58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand

Nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thành phần, thông tin dinh dưỡng: Xem trên bao bì

**Khối lượng tịnh:** 900 g

Ngày sản xuất (MDF) và hạn sử dụng (EXP): xem dưới đáy hộp.

**Số ĐKCB:**

Bình Dương, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN**  
**CÔNG TY**  
**TNHH**  
**ĐẤT MỚI**  
Đào Lý